Phụ lục

KHOÁI TOÁN NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI HỖ TRỢ LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI, GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
	TỔNG CỘNG				**30.648**
I	**Hỗ trợ di dời**				**450**
	Chủ yếu là các cơ sở, doanh nghiệp tiện gỗ mỹ nghệ di dời vào Khu quy hoạch tập trung của Làng nghề Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, phường An Nhơn	Cơ sở ngành nghề	15	30	450
II	**Đào tạo nhân lực**	**lớp**	**22**		**865**
1	Làng nghề Dệt thổ cẩm Hà Ri, xã Vĩnh Thịnh	Dự kiến 02 lớp, mỗi lớp 20 người	2	40	80
2	Làng nghề nón Ngựa Phú Gia, thôn Phú Gia, xã Xuân An	Dự kiến 03 lớp, mỗi lớp 20 người	3	40	120
3	Làng nghề Dệt vải thổ cẩm Hà Văn Trên, xã Vân Canh	Dự kiến 02 lớp, mỗi lớp 20 người	2	40	80
4	Làng nghề Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, phường An Nhơn	Dự kiến 03 lớp, mỗi lớp 10 người	3	25	75
5	Làng nghề trồng hoa Biểu Chánh, xã Tuy Phước Bắc	Dự kiến 05 lớp, mỗi lớp 30 người	5	55	275
6	Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm, xã Vĩnh Quang	Dự kiến 02 lớp, mỗi lớp 20 người	2	40,00	80,00

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
7	Nghề dệt thổ cẩm, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai	Dự kiến 02 lớp, mỗi lớp 20 người	2	40,00	80
8	Nghề tạc tượng xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai	Dự kiến 03 lớp, mỗi lớp 10 người	3	25,00	75
III	**Hỗ trợ dự án ngành nghề nông thôn**				**8.785**
1	Làng nghề Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, phường An Nhơn	Máy khử mùi phun sơn	6 cái	150	720
2	Làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, Phường An Nhơn	Máy làm bún	5 cái	120	600
3	Làng nghề truyền thống bánh tráng, bún số 8 Tăng Long 1, phường Tam Quan Nam, phường Hoài Nhơn	Máy móc thiết bị làm bún	2 cái	250	500
4	Làng nghề truyền thống chiếu cói Chương Hòa, xã Hoài Châu Bắc, phường Hoài Nhơn Bắc	Máy dệt chiếu	5 cái	150	750
5	Làng nghề Dệt thổ cẩm Hà Ri, xã Vĩnh Thịnh	Máy quấn sợi	3 cái	10	30
		Máy vắt sổ	3 cái	10	30
		Máy may	6 cái	10	60
		Máy dệt thoi tự động	2 cái	100	200
6	Làng nghề nón Ngựa Phú Gia, thôn Phú Gia, xã Xuân An	Máy liên hợp gia công nguyên vật liệu làm nón	2 cái	100	200
7	Làng nghề Dệt vải thổ cẩm Hà Văn Trên, xã Vân Canh	Khung dệt	15 cái	15	225
		Máy may	3 cái	10	30
		Máy vắt sổ	3 cái	10	30
8	Làng nghề trồng mai cảnh thôn Thuận Thái, xã An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai	Máy chẻ tre và chuốc cọc mai	2 cái	80	160

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
9	Làng nghề bánh tráng Trường Cửu, xã An Nhơn Tây	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị vào sản xuất bánh tráng máy	1 cái	250	250
10	Các cơ sở ngành nghề nông thôn khác	Máy	20 dự án	250	5.000
IV	**Hỗ trợ trực tiếp công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**		**20**	**548**	**547,68**
-	***Công nhận làng nghề***		***18***	***469,28***	***469,28***
1	LN Bún tươi Ngãi Chánh, phường An Nhơn	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
2	LN trồng hoa thôn Biểu Chánh, xã Tuy Phước Bắc	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
3	LN nước mắm Đề Gi, xã Đề Gi	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
4	LN Bánh tráng Phú Gia, xã Xuân An	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
5	LN Nhang Xuân Quang, xã Xuân An	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
6	LN chế biến nước mắm Hoài Hải, phường Hoài Nhơn Đông	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
7	LN Bánh tráng mì chà Mỹ Hội, xã Phù Mỹ Nam	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
8	LN Bánh tráng các loại Mỹ Phong, xã Bình Dương	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
9	LN bánh tráng xã Mỹ Quang, xã Phù Mỹ	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
10	LN bún gạo tươi Tường An, xã Phù Mỹ	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
11	LN Sản xuất Rượu Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Thịnh	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
12	LN dệt thổ cẩm, làng 5, xã Vĩnh Quang	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
13	LN trồng dâu nuôi tằm, xã Ân Hảo Tây	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
14	LN dệt thổ cẩm Hà Văn Trên, xã Vân Canh	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
15	LN chế biến nước mắm Nhơn Lý, phường Quy Nhơn Đông	Vùng III (Mức lương tối thiểu vùng: 4.140.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ))	1	28,98	28,98

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
16	LN trồng hoa, xã An Khê	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
17	LN dệt thổ cẩm, xã Tơ Tung	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
18	LN dệt thổ cẩm, xã Ayun	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	25,9	25,9
-	***Công nhận làng nghề truyền thống***		***2***	***78,40***	***78,40***
1	LNTT Nón ngựa Phú Gia, xã Xuân An	Vùng IV (Mức lương tối thiểu vùng: 3.700.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ)	1	37,0	37,0
2	LNTT nhạc cụ dân tộc và dệt thổ cẩm, phường An Phú	Vùng III (Mức lương tối thiểu vùng: 4.140.000 đồng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ))	1	41,40	41,40
V	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng**				**17.500**
1	***Đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được phê duyệt Đề án bảo tồn và phát triển***				***16.000***
-	Làng nghề truyền thống bánh tráng, bún số 8 Tăng Long 1, phường Hoài Nhơn	Xây dựng khu trưng bày sản phẩm làng nghề (Quy mô 4900 m2)			4.000
		Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cao Thành (Từ nhà bà Nhung đến Thanh Minh", chiều dài 790m, loại đường cấp IV, mặt đường bê tông 5,5m, nền đường 7,5m			

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
-	Làng nghề Dệt thổ cẩm Hà Ri, xã Vĩnh Thịnh	Nhà trưng bày sản phẩm làng nghề, điểm dệt tập trung Nâng cấp, mở rộng đường giao thông			4.000
-	Làng nghề nón Ngựa Phú Gia, thôn Phú Gia, xã Xuân An	Đầu tư xây dựng nhà trưng bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề; nhà thờ tổ nghề, khu trình diễn nghề truyền thống kết hợp thăm quan, trải nghiệm làng nghề. Nâng cấp, mở rộng đường giao thông			4.000
-	Làng nghề trồng hoa Gia An Nam, phường Hoài Châu Bắc.	Đầu tư mở rộng trụ sở thôn Gia An Nam kết hợp trung tâm thông tin, giới thiệu trưng bày sản phẩm, hạ tầng phục vụ sản xuất			4.000
2	***Đối với các làng nghề chưa lập Đề án bảo tồn hoặc phát triển***				***1.500***
-	Làng nghề dệt thổ cẩm Hà Văn Trên, xã Vân Canh	Xây dựng nhà trưng bày kết hợp nhà sản xuất tập trung		1.500	1.500
VI	**Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, nước mưa, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của làng nghề**		**3**	**2.500**	**2.500**
1	***Đối với các làng nghề xây dựng mới hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại làng nghề***		***2***	***2.000***	***2.000***
-	Làng nghề bún - bánh An Thái, phường Bình Định		1	1.000	1.000
-	Làng nghề sản xuất bánh tráng mỳ chà Mỹ Hội, xã Phù Mỹ Nam		1	1.000	1.000

STT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
2	***Đối với các làng nghề cải tạo, sửa chữa mới hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại làng nghề***		***1***	***500***	***500***
-	Làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, phường An Nhơn		1	500	500